

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày: 17/03/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và ông Trần Xuân Phong.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/03/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2025/TLST - HS ngày 17/01/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST - HS ngày 14/02/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2025/HSST - QĐ ngày 27/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Văn Trọng H, sinh năm 1976 tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Văn Trọng T3 và bà Phan Thị Đ; có vợ là Bò Thị Hồng Th và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

2. Phạm Văn Th, sinh năm 1976 tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú trước khi bị tạm giữ tạm giam: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Phạm Văn A (đã chết) và bà Lê Thị Nh (đã chết); có vợ là Trần Thị T và 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Đặc điểm nhân thân: Ngày 11/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/9/2024, chuyển tạm giam từ ngày 01/10/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam.

3. Lý Thị L, sinh năm 1987 tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; giới tính: Nữ; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Lý Văn B và bà Hoàng Thị L; có chồng là Văn Trọng Th và 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/09/2024 đến ngày 01/10/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

4. Đào Quang T, sinh năm 1993 tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Đào Văn C và bà Vũ Thị H; có vợ là Nguyễn Thúy H và 02 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/09/2024 đến ngày 01/10/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

5. Vũ Xuân T1, sinh năm 1989 tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Vũ Văn S và bà Nguyễn Thị O; có vợ là Nguyễn Thị Minh Th và 02 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/09/2024 đến ngày 01/10/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

6. Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1976 tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Ngọc D và bà Vũ Thị M; có vợ là Lê Thị H và 04 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/09/2024 đến ngày 01/10/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

7. Đoàn Quang V, sinh năm 1982 tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Đoàn Ngọc C (đã chết) và bà Văn Thị H; có vợ là Phạm Thị H và 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/09/2024 đến ngày 01/10/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

8. Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1982 tại xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn x, xã B (trước là thôn x), huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn

Văn M và bà Cù Thị Q; có vợ là Phạm Thị H và 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

9. Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1982 tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Lê Thị N và 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/09/2024 đến ngày 01/10/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

10. Lê Văn N, sinh năm 1994 tại xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn x, xã B (trước là thôn x), huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Lê Văn Th (đã chết) và bà Trần Thị Ng; có vợ là Nguyễn Thị Thu Th và 03 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/09/2024 đến ngày 01/10/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

11. Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1973 tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Trí Th (đã chết) và bà Phan Thị Y; có vợ là Nguyễn Thị Kim Th và 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

12. Văn Trọng T3, sinh năm 1950 tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 3/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Văn Trọng V (đã chết) và bà Bò Thị T (đã chết); có vợ là Phan Thị Đ và 03 con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1980. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

- Người bào chữa cho bị cáo Văn Trọng T3: Bà Trần Thị Kim Hương - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam.

(Có mặt các bị cáo H, Th, L, T, C, T1, H1, V, Đ, L, N và bà Hương. Vắng mặt bị cáo T3)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 22/9/2024, các bị cáo Lý Thị L, Đào Quang T, và Văn Trọng H lần lượt đi đến nhà bị cáo Văn Trọng T3 là bố bị cáo H tại thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Đến nơi các bị cáo thấy T3 đang nằm trên giường tại phòng khách. L, T và H vào trong nhà ngồi uống nước một lúc thì lần lượt các bị cáo Phạm Văn Th, Nguyễn Mạnh C đi đến nhà T3 chơi. Sau đó L, T, H, Th và C cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức chơi “*Liêng*”. Các bị cáo ngồi xuống chiếc cH đã được trải sẵn ở nền phòng khách trong nhà T3 và lấy bộ tứ lơ khơ có sẵn ở gầm bàn uống nước rồi cùng đánh bạc. Khoảng 10 phút sau, lần lượt các bị cáo Vũ Xuân T1, Nguyễn Ngọc H1, Đoàn Quang V và Nguyễn Hồng Đ cũng đến nhà T3 và tham gia đánh bạc cùng các đối tượng. T3 biết việc các đối tượng đánh bạc tại nhà ở của mình nhưng không có lời nói, hành động gì can ngăn. Sau đó tiếp tục lần lượt có các bị cáo Nguyễn Hoàng L và Lê Văn N đi đến nhà T3. Lúc này H và C không đánh bạc nữa, C đứng lên rời khỏi nhà ông T3 còn H ngồi tại bàn uống nước trong phòng khách xem các bị cáo khác đánh bạc. Cùng lúc này, L và N ngồi xuống cH bạc tại vị trí mà C và H vừa ngồi rồi tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác. Một lúc sau Đ không tham gia đánh bạc nữa và đi về nhà; T3 đi ra khỏi nhà giải quyết việc cá nhân. Trong khi đang đánh bạc, H bảo mỗi bị cáo nộp 100.000 đồng để dọn dẹp sau khi đánh bạc xong và đã thu được tiền của 05 bị cáo là L, T1, L, H1 và N, tổng cộng được 500.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày khi các bị cáo L, T1, T, L, H1, Th, V và N đang đánh bạc thì bị Tổ công tác của Công an huyện B, Công an xã T phát hiện bắt quả tang.

Thu tại nơi các bị cáo đánh bạc: 01 chiếc cH nhựa có hoa văn màu đỏ, kích thước (1,8x2)m; 01 bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 cây bài có thứ tự từ A (át), 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, mỗi loại cây bài có 04 chất Rô, Cơ, Tép, Bích, mặt sau mỗi cây bài đều có hoa văn màu xanh và số tiền 8.440.000 đồng.

- Kiểm tra người các bị cáo đã thu giữ: Của Phạm Văn Th 1.000.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 6S màu xám, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0978157318; của Lê Văn N 01 điện thoại Iphone 12 màu xanh, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0968567709; của Đoàn Quang V 01 điện thoại Iphone 12 Pro màu trắng, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0964966988; của Nguyễn Ngọc H1 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0335752776; của Nguyễn Hoàng L 01 điện thoại OPPO màu xám, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0387222882; của Đào Quang T 01 điện thoại Redmi màu đen, bên trong lắp 02 sim điện thoại có số thuê bao 0988737141 và 0399968638; của Vũ Xuân T1: 01 điện thoại Samsung màu vàng, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0983207128; của Lý Thị L 500.000 đồng; 01 điện thoại OPPO màu xanh, bên trong lắp 02 sim điện thoại có số thuê bao 0985365987 và 0916705041.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện B đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo T3 tại thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

* Cách thức đánh bạc của các đối tượng như sau: Các đối tượng tham gia đánh bạc sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài có thứ tự từ: A (át), 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K. Mỗi loại cây bài này có 4 chất trong đó quy ước thứ tự các chất từ to nhất đến nhỏ nhất lần lượt là Rô, Cơ, Tép, Bích. Để đánh bạc, đầu tiên một người chia đều cho mỗi người chơi 03 cây bài rồi độ điểm, ai có bài lớn nhất sẽ cầm cái. Sau đó, ở mỗi ván bài mỗi người chơi phải bỏ ra 20.000 đồng, gọi là tiền vào “gà”, người cầm cái chia đều cho mỗi người chơi 03 cây bài. Sau khi lên bài mà người nào tham gia chơi tiếp thì “tố” thêm lượt nhưng không được quá 200.000 đồng, người tố đầu tiên là người cầm cái và lần lượt tố theo chiều ngược kim đồng hồ, ai không chơi thì úp bài vào “nọc”. Khi “tố” xong thì độ điểm, bài của người chơi lớn nhất (kể cả về chất bài) sẽ thắng và được hưởng toàn bộ số tiền “gà” và tiền “tố” thêm, người thắng sẽ được cầm cái ở ván bài tiếp theo. Các đối tượng quy ước ván bài lớn nhất được tính theo thứ tự: Lớn nhất là bài “sáp” có 03 cây bài cùng loại; tiếp đến là bài “liêng” có 03 cây bài thứ tự liền kề nhau; bài “đầu hình” (còn gọi là bài “ảnh”) tức là bài có các cây J, Q hoặc K nhưng không tạo thành “sáp” hoặc “liêng”, sau cùng là bài “tính điểm”, người chơi cộng 03 quân bài với nhau, bài 9 điểm là lớn nhất, trong đó A (át) được tính 1 điểm, các quân bài từ 10 đến K tính 0 điểm.

Quá trình điều tra đã xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc như sau: H1 sử dụng 800.000 đồng; T sử dụng khoảng hơn 1.100.000 đồng; N sử dụng 600.000 đồng; T1 sử dụng khoảng 1.000.000 đồng; Th sử dụng khoảng 1.700.000 đồng; L sử dụng 900.000 đồng; L sử dụng khoảng 1.500.000 đồng; V sử dụng khoảng 2.300.000 đồng; C sử dụng khoảng 500.000 đồng; Đ sử dụng khoảng 1.000.000 đồng; H sử dụng số tiền 500.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng đã xác định được tổng số người đánh bạc nhiều nhất trong cùng một lúc là 09 người; tổng số tiền đánh bạc của các bị cáo Lý Thị L, Vũ Xuân T1, Đào Quang T, Nguyễn Ngọc H1, Phạm Văn Th, Đoàn Quang V và Nguyễn Hồng Đ là 11.140.000 đồng; tổng số tiền đánh bạc của các bị can Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N là 10.140.000 đồng; tổng số tiền đánh bạc của các bị can Văn Trọng H, Nguyễn Mạnh C là 9.640.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 08/CT - VKS - TA ngày 16/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố Văn Trọng H, Phạm Văn Th, Lý Thị L, Đào Quang T, Nguyễn Mạnh C, Vũ Xuân T1, Nguyễn Ngọc H1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hồng Đ, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N, Văn Trọng T3 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Văn Trọng H, Phạm Văn Th, Lý Thị L, Đào Quang T, Nguyễn Mạnh C, Vũ Xuân T1, Nguyễn Ngọc H1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hồng Đ, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N, Văn Trọng T3 phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; các khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Th.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; các khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Văn Trọng H, Lý Thị L, Đào Quang T, Vũ Xuân T1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hồng Đ. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; các khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, o, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Văn Trọng T3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Th từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù. Xử phạt bị cáo Văn Trọng H từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng. Xử phạt các bị cáo Lý Thị L, Đào Quang T, Vũ Xuân T1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hồng Đ; mỗi bị cáo từ 9 tháng đến 1 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N; mỗi bị cáo từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng cải tạo không giam giữ. Các bị cáo H1, L, N được đối trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 22/9/2024 đến ngày 01/10/2024. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Văn Trọng T3 từ 9 tháng đến 1 năm cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo C, H1, L, N, T3. Phạt bổ sung các bị cáo Th, H, L, T, C, T1, H1, V, Đ, N, L, mỗi bị cáo từ 01 - 02 triệu đồng sung ngân sách nhà nước. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cH và 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 9.940.000 đồng. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước: 1.000.000 đồng đối với bị cáo H; 200.000 đồng đối với bị cáo Đ.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trong nội dung vụ án đã nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt; cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo có điều kiện chăm lo cho gia đình.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Văn Trọng T3 – bà Trần Thị Kim Hương trình bày: Về tố tụng, bà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bị cáo T3 do bị cáo tuổi cao, đang điều trị bệnh nên không thể đến trụ sở Tòa án tham dự phiên tòa. Về nội dung vụ án bà không có ý kiến gì; bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo T3 được cải tạo ngoài xã hội do bị cáo tuổi cao, sức yếu, không trực tiếp tham gia đánh bạc, không hưởng bất kỳ lợi ích gì từ việc các bị cáo khác đánh bạc tại nơi ở của mình. Bà đề nghị miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra,

truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo không có kH nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bị cáo T3; Toà án nhân dân huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phối hợp với Công an xã T, huyện B và Trưởng thôn Đ, xã T đến tận nơi ở của bị cáo T3 để xác minh và thấy rằng đề nghị xét xử vắng mặt của bị cáo T3 với lý do tuổi cao, đang điều trị nhiều loại bệnh trong đó có bệnh “viêm, thoái hoá xương đầu gối” không tự mình di chuyển được là đúng thực tế. Đồng thời xét thấy Biên bản lấy lời khai của bị cáo T3 có trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ nội dung, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên toà do đó việc vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử; Hội đồng xét xử chấp nhận đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bị cáo T3, tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo T3 theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 22/9/2024, tại nhà ở của mình thuộc thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; bị cáo Văn Trọng T3 đã để cho các bị cáo Văn Trọng H (là con trai bị cáo T3), Phạm Văn Th, Lý Thị L, Đào Quang T, Nguyễn Mạnh C, Vũ Xuân T1, Nguyễn Ngọc H1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hồng Đ, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N đánh bạc với hình thức chơi “Liêng”. Quá trình đánh bạc có 03 giai đoạn: Giai đoạn 1 có tổng cộng 09 bị cáo trực tiếp đánh bạc cùng nhau, gồm H, Th, L, T, C, T1, H1, V, Đ với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 9.640.000 đồng. Giai đoạn 2 có tổng cộng 09 bị cáo trực tiếp đánh bạc cùng nhau, gồm Th, L, T, T1, H1, V, Đ, L, N (H, C không tham gia) với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 10.140.000 đồng. Giai đoạn 3 có tổng cộng 08 bị cáo trực tiếp đánh bạc cùng nhau, gồm Th, L, T, T1, H1, V, L, N (Đ không tham gia) với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 9.940.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi 08 bị cáo Th, L, T, T1, H1, V, L, N đang đánh bạc tại nhà ở của bị cáo T3 thì bị Lực lượng Công an huyện B phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi đánh bạc nêu trên của các bị cáo Văn Trọng H, Phạm Văn Th, Lý Thị L, Đào Quang T, Nguyễn Mạnh C, Vũ Xuân T1, Nguyễn Ngọc H1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hồng Đ, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N đã phạm tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo T3 là chủ nhà, không trực tiếp tham gia đánh bạc, không thu tiền “hò” của các bị cáo khác. Xét thấy bị cáo T3 không có tiền án, tiền sự về một trong những hành vi quy định tại Điều 321, Điều 322 Bộ luật Hình sự và trong toàn bộ quá trình các bị cáo đánh bạc tại nhà bị cáo T3 không có thời điểm nào có 10 bị cáo trở lên cùng một lúc đánh bạc trực tiếp với nhau và không lúc nào số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc cùng một lần từ 20.000.000 đồng trở lên. Do đó bị cáo T3 đã phạm tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, L, T, C, T1, H1, V, Đ, N, L, T3 được hưởng tình tiết “*Phạm tội lần đầu và thuộc T1 hợp ít nghiêm trọng*” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T3 được hưởng thêm các tình tiết “*Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên*” và “*Người phạm tội là người có công với cách mạng*” và “*Hoàn cảnh gia đình khó khăn*” được quy định tại các điểm x, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, L, T, C, T1, H1, V, Đ, N, L được hưởng thêm tình tiết “*Hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình*”; các bị cáo H, Th, L được hưởng thêm tình tiết “*Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự*”; các bị cáo H, Th được hưởng thêm tình tiết “*Bố đẻ được tặng thưởng huân huy chương*”; các tình tiết này được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Đánh giá vai trò đồng phạm trong vụ án: Trong vụ án này các bị cáo H, Th, L, T, C, T1, H1, V, Đ, N, L cùng trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo T3 là chủ nhà, không trực tiếp tham gia đánh bạc, không thu tiền “*hồ*” của các bị cáo khác nên giữ vai trò thứ hai.

[5] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự xã hội, làm mất an ninh tại địa bàn phạm tội.

Trong vụ án; xét: Bị cáo Th đã từng bị xử phạt “*Cải tạo không giam giữ*” về tội “*Đánh bạc*” nay lại phạm tội “*Đánh bạc*” nên cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo H, L, T, C, T1, H1, V, Đ, N, L, T3 lần đầu phạm tội và thuộc T1 hợp ít nghiêm trọng; đã nhận thức được hành vi phạm tội và ăn năn hối cải; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; số tiền đánh bạc không lớn, việc đánh bạc là nhất thời nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần tuyên một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, cải tạo các bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật. Xét bị cáo H ngoài hành vi trực tiếp đánh bạc còn có hành vi thu tiền “*hồ*” của 05 bị cáo khác; các bị cáo L, T, T1, V, Đ dùng số tiền để đánh bạc lớn hơn các bị cáo H1, L, N, C; bị cáo T3 không trực tiếp đánh bạc, tuổi cao sức yếu, giữ vai trò “*đồng phạm*” do vậy Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo H, L, T, T1, V, Đ; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo H1, L, N, C, T3. Đồng thời xét các bị cáo H1, L, N, C làm nghề tự do, thu nhập không ổn định và hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo T3 tuổi cao, sức yếu, sống phụ thuộc vào con cháu nên Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Thời gian các bị cáo H1, L, N bị tạm giữ được đối trừ vào thời gian chấp hành hình phạt “*Cải tạo không giam giữ*” với quy định 01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Khi quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử đã xem xét đến vai trò, nhân thân và mức độ tham gia của từng bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Th, H, L, T, C, T1, H1, V, Đ, N, L đều có sức khỏe lao động nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét đến hoàn cảnh gia đình khó khăn của các bị cáo để quyết định mức phạt tiền. Bị cáo T3 tuổi cao, sức yếu, sống phụ thuộc nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc cH nhựa có in hoa văn màu đỏ và 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và không còn giá trị sử dụng, do vậy tịch thu tiêu hủy.

Đối với 9.940.000 đồng; gồm thu tại chiếu bạc 8.440.000 đồng, thu trên người bị cáo Th 1.000.000 đồng, thu trên người bị cáo L 500.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, do vậy tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 1.000.000 đồng mà bị cáo H sử dụng để đánh bạc và thu của 05 bị cáo khác và 200.000 đồng mà bị cáo Đ sử dụng để đánh bạc, do sau khi không chơi nữa thì H và Đ đã mang số tiền này rời khỏi chiếu bạc. Do vậy Hội đồng xét xử truy thu buộc bị cáo H nộp sung ngân sách Nhà nước 1.000.000 đồng; buộc bị cáo Đ nộp sung ngân sách Nhà nước 200.000 đồng.

* Về xử lý các đồ vật, T sản liên quan đã thu giữ, tạm giữ: Đối với các điện thoại và sim điện thoại mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ khi bắt quả tang, quá trình điều tra xác định các điện thoại đó không liên quan đến việc đánh bạc của các bị cáo trong vụ án do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại các điện thoại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo H, Th, L, T, C, T1, H1, V, Đ, L, N phải chịu theo quy định. Đối với bị cáo T3 do tại thời điểm phạm tội đã trên 70 tuổi và là người có công với cách mạng; căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14, Hội đồng xét xử miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T3.

[9] Về các tình tiết khác: Đối với việc bị cáo H thu tiền của 05 bị cáo khác được tổng cộng 500.000 đồng với mục đích để dọn dẹp nhà cửa sau khi các bị cáo đánh bạc xong. Xét các bị cáo H, T3 không có tiền án, tiền sự về một trong các hành vi quy định tại Điều 321; Điều 322 Bộ luật Hình sự 2015; đồng thời trong quá trình các bị cáo đánh bạc ngày 22/9/2024 tại nhà ở của bị cáo T3 chỉ có 01 cH bạc và tổng số người chơi đánh bạc nhiều nhất trong cùng một lúc chưa đủ 10 người trở lên, tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc trong cùng một lần chưa đủ 20.000.000 đồng.

Do vậy hành vi của các bị cáo H, T3 không đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc*”.

Quá trình điều tra đã xác định bà Phan Thị Đ là vợ của bị cáo T3, mẹ đẻ của bị cáo H không biết và không liên quan đến hành vi đánh bạc ngày 22/9/2024 tại nhà ở của bị cáo T3, do vậy không xem xét, xử lý đối với bà Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; các khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Th.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; các khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Văn Trọng H, Lý Thị L, Đào Quang T, Vũ Xuân T1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hồng Đ.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; các khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, o, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Văn Trọng T3.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự. Các điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố các bị cáo Văn Trọng H, Phạm Văn Th, Lý Thị L, Đào Quang T, Nguyễn Mạnh C, Vũ Xuân T1, Nguyễn Ngọc H1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hồng Đ, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N, Văn Trọng T3 phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. - Xử phạt bị cáo Phạm Văn Th **01** (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (22/9/2024).

- Xử phạt bị cáo Văn trọng H **01** (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **02** (hai) năm kể từ ngày tuyên án (17/03/2025).

- Xử phạt các bị cáo Lý Thị L, Đào Quang T, Vũ Xuân T1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hồng Đ; mỗi bị cáo **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (17/03/2025).

- Xử phạt các bị cáo Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N; mỗi bị cáo **01** (một) năm cải tạo không giam giữ; được đối trừ **09** (chín) ngày tạm giữ. Thời

gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ các bị cáo H1, L, N phải chấp hành là **11** (mười một) tháng **03** (ba) ngày.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C **01** (một) năm cải tạo không giam giữ.
- Xử phạt bị cáo Văn Trọng T3 **09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N, Văn Trọng T3 được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Ngọc H1, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N, Văn Trọng T3.

Giao các bị cáo Văn Trọng H, Lý Thị L, Đào Quang T, Nguyễn Mạnh C, Vũ Xuân T1, Nguyễn Ngọc H1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hoàng L, Văn Trọng T3 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng Đ, Lê Văn N cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Gia đình các bị cáo Văn Trọng H, Lý Thị L, Đào Quang T, Nguyễn Mạnh C, Vũ Xuân T1, Nguyễn Ngọc H1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hoàng L, Văn Trọng T3 phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Gia đình các bị cáo Nguyễn Hồng Đ, Lê Văn N phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách của án treo; các bị cáo H, L, T, T1, V, Đ phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Nếu các bị cáo H, L, T, T1, V, Đ vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo H, L, T, T1, V, Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo H, L, T, T1, V, Đ phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, nếu các bị cáo H1, C, L, N, T3 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền sung ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo Văn Trọng H, Phạm Văn Th, Lý Thị L, Đào Quang T, Nguyễn Mạnh C, Vũ Xuân T1, Nguyễn Ngọc H1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hồng Đ, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N; mỗi bị cáo 1.000.000 đồng. Các bị cáo có nghĩa vụ nộp tiền phạt tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 9.940.000 đồng. Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc cH nhựa có in hoa văn màu đỏ và 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài.

Các vật chứng và T sản tạm giữ được xác định theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/01/2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Nam và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam cùng Ủy nhiệm chi số 01-T01 ngày 17/01/2025 của Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Nam.

5. Truy thu: Buộc bị cáo Văn Trọng H nộp sung ngân sách Nhà nước 1.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Đ nộp sung ngân sách Nhà nước 200.000 đồng

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Văn Trọng H, Phạm Văn Th, Lý Thị L, Đào Quang T, Nguyễn Mạnh C, Vũ Xuân T1, Nguyễn Ngọc H1, Đoàn Quang V, Nguyễn Hồng Đ, Nguyễn Hoàng L, Lê Văn N; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

- Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Văn Trọng T3.

Án xử công khai. Báo cho các bị cáo có mặt tại phiên toà biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị cáo T3 biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra I);
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- UBND xã B, huyện B;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)